

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
đã soát xét cho kỳ tài chính từ ngày
01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
đã soát xét cho kỳ tài chính từ ngày
01/01/2022 đến ngày 30/06/2022



MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng Thủy lợi. Theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 10 năm 2021 đổi tên thành Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/11/2005. Trong quá trình hoạt động, những thay đổi về nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội phê duyệt tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 01 đến lần 14 ngày 27/10/2021, thay đổi lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp là 0100103295.

Công ty có trụ sở tại Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|------------------------|---------------|
| - Ông Nguyễn Ngọc Bình | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Trần Hải Anh | Ủy viên |
| - Ông Nguyễn Văn Huyền | Ủy viên |
| - Ông Trần Ngọc Chiến | Ủy viên |
| - Ông Đỗ Quang Tuấn | Ủy viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|-----------------------------|-------------------|---------------------------------|
| - Ông Nguyễn Ngọc Hưng | Tổng Giám đốc | |
| - Ông Nguyễn Văn Huyền | Phó Tổng Giám đốc | |
| - Ông Trịnh Thái Sơn | Phó Tổng Giám đốc | <i>Bổ nhiệm ngày 14/01/2022</i> |
| - Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc | Phó Tổng Giám đốc | |
| - Bà Phạm Thị Chinh Lương | Kế toán trưởng | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chức danh: Chủ tịch HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|----------------------|-----------------------------------|
| - Ông Hoàng Mạnh Tuấn | Trưởng Ban kiểm soát | <i>Miễn nhiệm ngày 10/03/2022</i> |
| - Bà Đinh Thị Vân | Trưởng Ban kiểm soát | <i>Bổ nhiệm ngày 10/03/2022</i> |
| - Bà Hoàng Thị Kim Anh | Thành viên | <i>Bổ nhiệm ngày 10/03/2022</i> |
| - Ông Nguyễn Thiết | Thành viên | <i>Bổ nhiệm ngày 10/03/2022</i> |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 35. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Như được trình bày tại Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ số I.6 của báo cáo tài chính, Công ty là công ty mẹ của các công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng lẻ. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần được đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Ông Nguyễn Ngọc Bình

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

Số: BC/BDO/2022. 508.

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022*

**Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG, được lập ngày 23 tháng 08 năm 2022 từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Năng lượng bất động sản MCG tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đến thuyết minh số VII.4 Thông tin hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng nợ phải trả quá hạn trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty là 64.892.918.398 đồng, khoản lỗ lũy kế của Công ty là: 372.296.684.179 đồng. Đồng thời theo quyết định số 39686/QĐ-CTHN-QLN ngày 12/08/2022 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng để thi hành cưỡng chế thuế 1 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2022. Tổng số tiền thuế Công ty còn nợ theo thông báo số 227362/TB-CT ngày 19/07/2022 với số tiền: 5.044.435.000 đồng. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0780-2018-038-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B01-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		271.061.980.479	289.574.802.993
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.888.857.547	11.542.381.596
1. Tiền	111		1.888.857.547	11.542.381.596
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.1	183.050	237.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		237.860	237.860
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(54.810)	(560)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.224.565.329	228.498.057.335
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	74.345.954.828	87.266.578.508
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.497.786.532	10.857.142.632
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	3.915.803.868	7.315.803.868
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	154.320.916.562	147.945.418.695
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(24.855.896.461)	(24.886.886.368)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	47.228.437.045	47.910.663.113
1. Hàng tồn kho	141		47.228.437.045	47.910.663.113
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.719.937.508	1.623.463.649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		193.209.036	126.758.334
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.526.728.472	1.496.705.315
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		299.254.526.187	302.923.039.383
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.176.282.267	12.223.421.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.176.282.267	12.223.421.335
<i>Nguyên giá</i>	222		89.172.071.482	89.172.071.482
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(77.995.789.215)	(76.948.650.147)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	102.004.491.738	103.352.786.862
<i>Nguyên giá</i>	231		132.036.029.974	132.036.029.974
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(30.031.538.236)	(28.683.243.112)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		185.994.871.879	187.346.831.186
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2.2	8.048.082.953	14.650.290.029
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.3	206.080.000.000	206.080.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.4	9.891.470.000	9.891.470.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(38.024.681.074)	(43.274.928.843)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		78.880.303	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		78.880.303	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		570.316.506.666	592.497.842.376

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

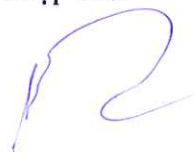
B01-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

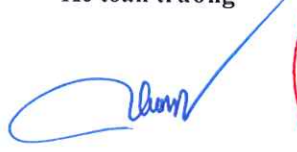
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		379.161.581.255	403.351.655.122
I. Nợ ngắn hạn	310		224.961.581.255	251.351.655.122
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	80.321.084.647	81.816.442.524
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.025.633.834	10.484.086.242
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.181.061.548	17.998.149.104
4. Phải trả người lao động	314		725.414.051	735.084.085
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	33.283.734.340	37.695.182.499
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.1	90.299.066.064	90.379.546.417
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.2	320.640.000	320.640.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.300.776.238	3.969.753.718
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.504.170.533	7.952.770.533
II. Nợ dài hạn	330		154.200.000.000	152.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15.2	148.200.000.000	152.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.2	6.000.000.000	-
3. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		191.154.925.411	189.146.187.254
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	191.154.925.411	189.146.187.254
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3. Cổ phiếu quỹ	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(372.296.684.179)	(374.305.422.336)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(374.305.422.336)	(338.104.856.748)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.008.738.157	(36.200.565.588)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		570.316.506.666	592.497.842.376

Người lập biểu



Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Chinh Lương

Lập ngày 23 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.589.986.357	55.235.107.768
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.589.986.357	55.235.107.768
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.879.842.739	61.958.277.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.710.143.618	(6.723.169.601)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	903.651.615	740.250.574
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(628.649.443)	3.711.023.711
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	97.031.320
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.832.924.696	3.503.101.850
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		409.519.980	(13.197.044.588)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.021.942.772	136.506.717
12. Chi phí khác	32	VI.7	422.724.595	2.184.672.943
13. Lợi nhuận khác	40		1.599.218.177	(2.048.166.226)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.008.738.157	(15.245.210.814)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.008.738.157	(15.245.210.814)

Người lập biểu



Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Chinh Lương

Lập ngày 23 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B03-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.008.738.157	(15.245.210.814)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.395.434.192	2.547.654.828
- Các khoản dự phòng	03		(7.950.160.906)	16.730.321.901
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(124.754.015)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3.717.892.461	834.166.772
- Chi phí lãi vay	06		-	97.031.320
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		171.903.904	4.839.209.992
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.855.121.756	(192.667.751)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		682.226.068	6.558.284.783
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(27.068.520.534)	17.741.972.349
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(145.331.005)	10.078.910
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	710.585.207
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(386.981.788)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.975.853)	(8.042.889.675)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(448.600.000)	(320.210.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.957.175.664)	20.917.382.027
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	301.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.700.000.000)	(16.601.526.778)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.100.000.000	8.404.386.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.417.602.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		903.651.615	200.947.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.303.651.615	(3.277.227.830)

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B03-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		6.000.000.000	27.020.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(41.564.923.576)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>6.000.000.000</i>	<i>(14.544.923.576)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.653.524.049)	3.095.230.621
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.542.381.596	1.005.767.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		<u>1.888.857.547</u>	<u>4.100.998.357</u>

Lập ngày 23 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Hoàng Mạnh Tuấn

Phạm Thị Chính Lương

Nguyễn Ngọc Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B09-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

I. Thông tin chung

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG tiền thân là Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội, là Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng công ty Cơ điện và Xây dựng Thủy lợi. Theo Quyết định số 4465/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ điện và Xây dựng. Tháng 10 năm 2021 đổi tên thành Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản MCG.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch tại Sở chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là MCG theo giấy phép số 109/UBCK-GPNY ngày 24 tháng 09 năm 2009 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

2. Lĩnh vực hoạt động

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ quản lý tòa nhà chung cư.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng đáng kể đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như những đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên thông tin tin cậy có được đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con tại ngày 30/06/2022

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Thôn Ngọc Loan, X. Tân Quang, H. Văn Lâm, Hưng Yên	100%	51,48%	Xây dựng; Sản xuất cơ khí

Danh sách công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/06/2022

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	Số 6A/52 Nguyễn Trãi, Tổ 9, P. Quyết Thắng, TP. Sơn La, Sơn La	46%	46%	Sản xuất, kinh doanh điện

Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chi nhánh
Chi nhánh Tuyên Quang	Xã Hưng Thành, Thị xã Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang	Xây dựng
Chi nhánh Thanh Hóa	Ngã Ba Chẽ, Xã Thiệu Đô, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động
Chi nhánh Miền Trung	Xã Hương Vân, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 1 Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng tuy nhiên đang tạm dừng hoạt động

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2022 là 35 người (Tại ngày 31/12/2021 là 35 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT - BTC.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 (“Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

- Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Chênh lệch dự phòng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết.

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con, Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng của công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: tạm ứng, các khoản thu hộ chi hộ...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - “Hàng tồn kho”, cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được tập hợp theo từng công trình, dự án chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư

a) Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 18 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	01 - 03 năm

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về “sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

b) Bất động sản đầu tư (BĐSDT)

BĐSDT gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

BĐSDT được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSĐT.

BĐSDT được trích khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

6. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành (20%).

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng: công cụ dụng cụ phân bổ không quá 03 năm, chi phí trả trước khác theo thời gian thực tế phát sinh.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về cổ phần hóa, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**Ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: chi phí lãi vay, chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ chưa có hóa đơn.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- **Phải trả chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ:** Căn cứ Hợp đồng kinh tế, thực tế sử dụng hàng hóa và dịch vụ của nhà cung cấp trong kỳ.

- **Trích trước chi phí lãi vay:** Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập kỳ này so với số dự phòng phải trả đã lập kỳ trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả***Chi phí bảo hành công trình***

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành các công trình được ước tính theo tỷ lệ 2 - 5% giá trị quyết toán của các công trình, căn cứ cam kết trong hợp đồng.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu***a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh số chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu phổ thông: Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Là số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Cổ phiếu quỹ: Là cổ phiếu do Công ty phát hành và mua lại, các cổ phiếu này không bị hủy bỏ và được tái phát hành trở lại theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Giá trị cổ phiếu quỹ gồm: giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng kỳ tài chính (kỳ trước, kỳ này), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt thi công công trình, dịch vụ quản lý tòa nhà chung cư, cho thuê tài sản được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Lãi tiền gửi: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính khác: Bao gồm doanh thu kinh doanh chứng khoán, lãi chênh lệch tỷ giá và một số khoản doanh thu tài chính khác.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay và các chi phí tài chính khác.

Chi phí lãi vay: Ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất vay theo hợp đồng.

Chi phí tài chính khác: bao gồm chi phí dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các khoản hoàn nhập dự phòng phải thu

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	159.460.865	764.404.626
Tiền gửi ngân hàng	1.729.396.682	10.777.976.970
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	<u>1.888.857.547</u>	<u>11.542.381.596</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2. Các khoản đầu tư tài chính**2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết						
Cổ phiếu Vietinbank (CTG)	237.860	(54.810)	292.670	237.860	(560)	238.420
Tổng cộng	237.860	(54.810)	292.670	237.860	(560)	238.420

2.2 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Khoáng sản MECO	-	-	-	6.602.207.076	(6.602.207.076)	-
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	8.048.082.953	(7.689.039.130)	359.043.823	8.048.082.953	(7.785.532.786)	262.550.167
Cộng	8.048.082.953	(7.689.039.130)	359.043.823	14.650.290.029	(14.387.739.862)	262.550.167

Thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư là BCTC của Công ty con.

Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty con trong kỳ như sau:

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm trong kỳ là sản xuất sản phẩm bằng kim loại.

Các giao dịch trọng yếu giữa đơn vị và Công ty con trong kỳ:

Được trình bày tại Thuyết minh VII.2.

2.3 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	206.080.000.000	24.460.825.325	181.619.174.675	206.080.000.000	23.012.372.362	183.067.627.638
Cộng	206.080.000.000	24.460.825.325	181.619.174.675	206.080.000.000	23.012.372.362	183.067.627.638

Thông tin sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư là BCTC cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2022 chưa được soát xét của các công ty liên doanh liên kết.

Các giao dịch trọng yếu giữa đơn vị và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

Được trình bày tại Thuyết minh VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2.4 Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Đầu tư và PT các KCN Hà Tĩnh	1.050.000.000	(1.050.000.000)	-	1.050.000.000	(1.050.000.000)	-
Công ty CP BP Tư vấn và ĐTXD	1.800.000.000	(33.346.619)	1.766.653.381	1.800.000.000	(33.346.619)	1.766.653.381
Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-	2.550.000.000	(2.550.000.000)	-
Công ty CP Cơ điện và xây dựng Hòa Bình	2.241.470.000	(2.241.470.000)	-	2.241.470.000	2.241.470.000	-
Công ty CP đầu tư và phát triển điện Mecos	2.250.000.000	-	2.250.000.000	2.250.000.000	-	2.250.000.000
Cộng	9.891.470.000	(5.874.816.619)	4.016.653.381	9.891.470.000	(1.391.876.619)	4.016.653.381

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu từ khách hàng là bên thứ ba	34.136.863.953	44.771.016.449
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thủy lợi 1	446.450.854	11.043.060.854
Tổng công ty Cơ điện XDNN và Thủy lợi	172.728.665	172.728.665
Ông Nguyễn Văn Dũng	8.832.059.992	8.832.059.992
Các khách hàng còn lại	24.685.624.442	24.723.166.938
Phải thu từ bên liên quan	40.209.090.875	42.495.562.059
<i>(Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)</i>		
Cộng	74.345.954.828	87.266.578.508

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán là các bên thứ ba	11.061.009.292	9.723.978.632
Công ty TNHH Kính Long Giang Hưng Yên	7.641.959.177	8.044.307.717
Công ty thương mại Bắc Trung Nam	2.500.000.000	-
Các nhà cung cấp còn lại	919.050.115	1.679.670.915
Trả trước cho người bán là bên liên quan	1.436.777.240	1.133.164.000
<i>(Chi tiết trả trước cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)</i>		
Cộng	12.497.786.532	10.857.142.632

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm (*)	3.915.803.868	7.315.803.868
Cộng	3.915.803.868	7.315.803.868

(*) Khoản cho vay với lãi suất 0%/năm để bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng và được gia hạn trong trường hợp hai bên vẫn có nhu cầu tiếp tục vay và cho vay. Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

6. Phải thu khác**6.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	130.538.371.715	-	131.351.860.651	-
+ Ban chỉ huy Công trình Nậm Hóa 1 (Đại diện: Ông Mai Quốc Ân)	27.283.370.892	-	35.283.370.892	-
+ Ban điều hành Công trình Khánh Khê (Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Bình)	7.740.567.000	-	7.740.567.000	-
+ Ông Nguyễn Ngọc Hưng	6.744.023.000	-	6.744.023.000	-
+ Ông Phan Văn Trung	7.775.426.000	-	7.775.426.000	-
+ Ông Phạm Hồng Sáng	3.000.000.000	-	-	-
+ Ông Nguyễn Ngọc Bình (*)	63.000.000.000	-	63.000.000.000	-
+ Các đối tượng còn lại	14.994.984.823	-	10.808.473.759	-
Nguyễn Văn Dũng	1.980.663.000	-	-	-
Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	(9.477.520.000)	9.477.520.000	(9.477.520.000)
Phải thu khác	12.324.361.847	(229.376.548)	7.116.038.044	(229.376.548)
Cộng	154.320.916.562	(9.706.896.548)	147.945.418.695	(9.706.896.548)

(*): Khoản tạm ứng của ông Nguyễn Ngọc Bình là: Khoản tạm ứng phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

6.2 Phải thu khác là bên liên quan

Xem thuyết minh VII.2

7. Nợ xấu**7.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng						
Tổng công ty cơ điện XDNN và Thủy lợi	172.728.665	(172.728.665)	-	172.728.665	(172.728.665)	-
Công ty CP Cơ điện và XDVN số 5	4.344.536.021	(4.344.536.021)	-	4.344.536.021	(4.344.536.021)	-
Các đối tượng khác	10.631.735.227	(10.631.735.227)	-	10.662.725.134	(10.662.725.134)	-
Phải thu khác						
Công ty TNHH Ngọc Quyền	9.477.520.000	(9.477.520.000)	-	9.477.520.000	(9.477.520.000)	-
Các đối tượng khác	229.376.548	(229.376.548)	-	229.376.548	(229.376.548)	-
Cộng	24.855.896.461	(24.855.896.461)	-	24.886.886.368	(24.886.886.368)	-

7.2 Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	99.410.900	-	108.949.446	-
Công cụ, dụng cụ	900.000	-	32.436.364	-
Chi phí dở dang các Dự án	42.218.225.035	-	42.898.914.739	-
+ <i>Dự án 102 Trường Chinh (*)</i>	<i>41.042.932.232</i>	-	<i>41.042.932.232</i>	-
+ <i>Các dự án khác</i>	<i>1.175.292.803</i>	-	<i>1.855.982.507</i>	-
Thành phẩm	52.886.080	-	13.347.534	-
Hàng gửi đi bán	4.857.015.030	-	4.857.015.030	-
Cộng	47.228.437.045	-	47.910.663.113	-

(*) Đây là chi phí dở dang của 51 căn tòa nhà HH1B.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu kỳ	-	64.318.133.321
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(64.318.133.321)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	1.556.508.000	80.213.558.512	7.034.984.048	367.020.922	89.172.071.482
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	1.556.508.000	80.213.558.512	7.034.984.048	367.020.922	89.172.071.482
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	1.556.508.000	67.990.137.177	7.034.984.048	367.020.922	76.948.650.147
Khấu hao trong kỳ	-	1.047.139.068	-	-	1.047.139.068
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2022	1.556.508.000	69.037.276.245	7.034.984.048	367.020.922	77.995.789.215
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	-	12.223.421.335	-	-	12.223.421.335
Tại ngày 30/06/2022	-	11.176.282.267	-	-	11.176.282.267

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 62.032.848.091 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 62.032.848.091 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay, cầm cố, thế chấp là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

10.1 Bất động sản đầu tư cho thuê

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	132.036.029.974	-	-	132.036.029.974
Nhà	123.892.092.623	-	-	123.892.092.623
Cơ sở hạ tầng	8.143.937.351	-	-	8.143.937.351
Giá trị hao mòn lũy kế	28.683.243.112	1.348.295.124	-	30.031.538.236
Nhà	21.785.927.947	1.284.312.126	-	23.070.240.073
Cơ sở hạ tầng	6.897.315.165	63.982.998	-	6.961.298.163
Giá trị còn lại	103.352.786.862			102.004.491.738
Nhà	102.106.164.676			100.821.852.550
Cơ sở hạ tầng	1.246.622.186			1.182.639.188

Bất động sản đầu tư cho thuê phục vụ 01 hợp đồng:

+ Hợp đồng số 06/HDHT/MECO-TN ngày 02/04/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/HDHT/MECO-TN ngày 27/09/2021 với Công ty CP Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam hợp tác cho thuê trung tâm thương mại, văn phòng và tầng hầm với doanh thu 1.727.272.727 đồng/quý;

11. Phải trả người bán

11.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán là bên thứ ba</i>	68.760.583.686	68.760.583.686	65.634.717.283	65.634.717.283
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169
Các nhà cung cấp còn lại	55.541.212.517	55.541.212.517	52.415.346.114	52.415.346.114
<i>Phải trả người bán là bên liên quan</i>	11.560.500.961	11.560.500.961	16.181.725.241	16.181.725.241
<i>(Chi tiết phải trả là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)</i>				
Cộng	80.321.084.647	80.321.084.647	81.816.442.524	81.816.442.524

11.2 Số nợ người bán quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Long Giang	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169	13.219.371.169
Công ty CP thương mại Đại Dương	2.721.406.655	2.721.406.655	2.721.406.655	2.721.406.655
Các nhà cung cấp còn lại	48.952.140.574	48.952.140.574	41.769.347.595	41.769.347.595
Cộng	64.892.918.398	64.892.918.398	57.710.125.419	57.710.125.419

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Người mua trả tiền trước là bên thứ ba</i>	235.476.201	224.651.225
Các khách hàng còn lại	235.476.201	224.651.225
<i>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</i>	3.790.157.633	10.259.435.017
<i>(Chi tiết người mua trả tiền trước là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)</i>		
Cộng	4.025.633.834	10.484.086.242

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**13.1 Thuế phải nộp**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	776.831.105	875.587	2.461.697	775.244.995
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.975.853	-	3.975.853	
Thuế thu nhập cá nhân	393.019.635	29.968.888	321.509.964	101.478.559
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	140.953.911	168.009.587	168.009.587	140.953.911
Các loại thuế khác	8.167.500	-	-	8.167.500
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	16.675.201.100	6.090.882	10.526.075.399	6.155.216.583
Cộng	17.998.149.104	204.944.944	11.022.032.500	7.181.061.548

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Lãi vay phải trả	75.242.000	75.242.000
Trích trước chi phí công trình	33.208.492.340	37.619.940.499
Cộng	33.283.734.340	37.695.182.499

15. Phải trả khác**15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.810.184.538	5.810.184.538
Bảo hiểm xã hội	827.454.759	761.783.124
Kinh phí công đoàn	229.571.505	147.166.993
Phải trả về cổ phần hóa	252.180.000	252.180.000
Các khoản phải trả khác		
+ Tiền nhận đặt cọc (*)	67.657.097.000	67.657.097.000
+ Phí bảo trì các căn hộ chung cư	8.153.554.988	8.165.986.988
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	87.848.300	87.848.300
+ Công ty cổ phần Xây dựng MCG	-	197.083.300
+ CTCP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	2.683.034.726	2.683.034.726
+ Phải trả, phải nộp khác	4.595.950.580	4.617.181.448
Cộng	90.299.066.064	90.379.546.417

(*) Tiền nhận đặt cọc của một số tổ chức, cá nhân theo Thỏa thuận chuyển nhượng căn hộ tại tòa HH1B.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

15.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty CP Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam (*)	148.200.000.000	152.000.000.000
Cộng	148.200.000.000	152.000.000.000

(*) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/HDHT/MECO-TN ngày 02/04/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/HDHT/MECO-TN ngày 27/09/2021 về việc góp vốn liên doanh đồng kiểm soát Khu vực hợp tác kinh doanh (Gồm khối để trung tâm thương mại tòa HH1, HH2, văn phòng Meco Complex với diện tích 7.000 m² và tầng hầm B1, B2, B3, tầng hầm B1-HH2 với diện tích 5.000 m²). Số tiền cam kết góp: 152.000.000.000 đồng. Thời hạn hợp đồng là 05 năm. Công ty là bên nắm giữ tài sản, Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam chịu trách nhiệm sử dụng mặt bằng để khai thác và cho thuê, trực tiếp thu tiền từ hoạt động kinh doanh mặt bằng Khu vực hợp tác. Công ty sẽ hưởng khoản tiền cố định là 1.727.272.727 đồng/quý mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng hợp tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

16. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	320.640.000	320.640.000	-		320.640.000	320.640.000
Chi nhánh Thanh Hóa vay cá nhân	293.390.000	293.390.000	-	-	293.390.000	293.390.000
Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Thiệu Hóa	27.250.000	27.250.000	-	-	27.250.000	27.250.000
Cộng	320.640.000	320.640.000			320.640.000	320.640.000
Vay dài hạn	-		6.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình (*)	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	-	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000

(*) Khoản vay của Ông Nguyễn Ngọc Bình theo các hợp đồng ngày 21/03/2022; ngày 24/03/2022; ngày 30/03/2022 và ngày 29/06/2022 với lãi suất 0%. Mục đích của khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

B09-DN

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(338.104.856.748)	225.346.752.842
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(36.200.565.588)	(36.200.565.588)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(374.305.422.336)	189.146.187.254
Số dư đầu năm này	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(374.305.422.336)	189.146.187.254
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	2.008.738.157	2.008.738.157
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	575.100.000.000	32.960.749.348	(73.426.398.513)	28.817.258.755	(372.296.684.179)	191.154.925.411

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nguyễn Ngọc Bình	89.988.800.000	89.988.000.000
La Mỹ Phượng	34.532.200.000	43.032.200.000
Đào Thùy Linh	36.501.400.000	36.501.400.000
Nguyễn Văn Dũng	25.000.970.000	35.999.970.000
Phan Hải Hà	-	29.852.400.000
Các cổ đông khác	389.076.630.000	339.726.030.000
Cộng	575.100.000.000	575.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	575.100.000.000	575.100.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	<u>575.100.000.000</u>	<u>575.100.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.510.000	57.510.000
- Cổ phiếu phổ thông	57.510.000	57.510.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.460.000	5.460.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.460.000	5.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.050.000	52.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	52.050.000	52.050.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
- Ngoại tệ các loại:		
- Nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm gần đây	287.957.108.653	287.961.634.457

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.519.032.710	11.184.181.412
Doanh thu xây lắp	7.070.953.647	44.050.926.356
Cộng	<u>15.589.986.357</u>	<u>55.235.107.768</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.901.607.851	6.897.790.133
Giá vốn xây lắp	5.978.234.888	41.941.030.395
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	13.119.456.841
Cộng	<u>12.879.842.739</u>	<u>61.958.277.369</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	903.651.615	202.517.656
Lãi đầu tư tài chính	-	412.978.903
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	124.754.015
Cộng	<u>903.651.615</u>	<u>740.250.574</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền vay	-	97.031.320
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	4.621.544.076	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(5.250.193.519)	3.610.865.060
Chi phí tài chính khác	-	3.127.331
Cộng	<u>(628.649.443)</u>	<u>3.711.023.711</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.860.543.608	2.691.814.032
Chi phí vật liệu quản lý	154.541.510	120.045.781
Chi phí đồ dùng văn phòng	130.923.654	87.486.378
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.061.086	
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	(30.989.907)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527.460.654	512.048.325
Chi phí bằng tiền khác	181.384.091	85.707.334
Cộng	<u>3.832.924.696</u>	<u>3.503.101.850</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	1.520.138.507	-
Các khoản khác	501.804.265	136.506.717
Cộng	<u>2.021.942.772</u>	<u>136.506.717</u>

7. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Phạt nộp chậm thuế	90.882	739.196.860
Lỗ thanh lý tài sản	-	1.245.476.083
Chi phí khác	422.633.713	200.000.000
Cộng	<u>422.724.595</u>	<u>2.184.672.943</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	248.985.954	4.473.644.399
Chi phí nhân công	3.347.899.758	3.797.053.258
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.395.434.192	2.547.654.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.525.485.447	35.010.121.299
Chi phí dự phòng	(30.989.907)	-
Chi phí khác bằng tiền	149.650.785	437.675.263
Cộng	<u>11.636.466.229</u>	<u>46.266.149.047</u>

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

10. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	2.008.738.157	(15.245.210.814)
Trong đó:		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản	-	-
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	2.008.738.157	(15.245.210.814)
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	271.407.648	1.159.156.860
Các khoản điều chỉnh tăng	271.407.648	1.159.156.860
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	79.316.766	-
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	192.000.000	219.960.000
Chi phí phạt hành chính, phạt nộp chậm thuế	90.882	939.196.860
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	2.280.145.805	(14.086.053.954)
Lỗ năm trước chuyển sang	(338.376.444.559)	(324.284.119.259)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	(336.096.298.754)	(338.370.173.213)
Trong đó:		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản	-	-
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	(336.096.298.754)	(338.370.173.213)
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

2. Giao dịch với các bên liên quan**2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Họ tên bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Kỳ này	Kỳ trước
Thành viên quản lý chủ chốt trực tiếp điều hành:			
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Chủ tịch HĐQT	Lương thưởng, phụ cấp	233.484.955	233.484.954
	Cho Công ty vay	6.000.000.000	24.670.000.000
	Công ty trả gốc vay	-	33.250.000.000
Trần Hải Anh - Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	Lương thưởng, phụ cấp	-	81.286.575
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	176.612.726	187.065.164
	Hoàn ứng về Công ty	-	1.711.500.000
Bà Nguyễn Thị Phương Ngọc - Phó tổng giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	158.234.155	155.318.155
Ông Trịnh Thái Sơn - Phó Tổng giám đốc	Lương thưởng, phụ cấp	77.693.637	-
Bà Phạm Thị Chinh Lương - Kế toán trưởng	Lương thưởng, phụ cấp	147.089.728	145.145.727
Thành viên quản lý chủ chốt không trực tiếp điều hành:			
Ông Trần Hải Anh (Thành viên HĐQT)	Thù lao, phụ cấp	48.000.000	56.160.000
Ông Nguyễn Văn Huyền (Phó tổng giám đốc kiêm TV HĐQT)	Thù lao, phụ cấp	48.000.000	56.160.000
	Công ty tạm ứng	-	250.000.000
Ông Đỗ Quang Tuấn (Thành viên HĐQT)	Thù lao, phụ cấp	48.000.000	56.160.000
Ông Trần Ngọc Chiến (Thành viên HĐQT)	Thù lao, phụ cấp	48.000.000	32.760.000
Số dư với các cá nhân có liên quan như sau:			
		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Cho Công ty vay		6.000.000.000	
Ông Nguyễn Ngọc Bình - Tạm ứng		63.000.000.000	63.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tạm ứng		6.744.023.000	6.744.023.000
Ông Trần Hải Anh - Tạm ứng		40.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Văn Huyền - Tạm ứng		273.700.000	273.700.000
Thu nhập thành viên Ban kiểm soát			
		<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Hoàng Mạnh Tuấn: Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 10/03/2022)		55.006.644	101.797.462
Hoàng Thị Kim Anh: Thành viên		126.037.948	130.265.264
Đình Thị Vân: Thành viên		36.709.471	77.634.641
Nguyễn Thiết: Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 10/03/2022)		66.061.776	-
Đình Thị Vân: Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 10/03/2022)		35.221.791	-
Nghiêm Thị Mai Hoa: Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 12/06/2020)		-	11.700.000
Nguyễn Tiến Hiền: Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/06/2020)		-	7.020.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Khoáng sản MECO	Công ty con đến ngày 30/06/2022
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	Ông Nguyễn Ngọc Hưng - Tổng giám đốc Công ty là đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Xây dựng MCG
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	Công ty con
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	Con gái Ông Bình là Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc CTCP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam
Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	Con trai Ông Bình là Tổng giám đốc CTCP Thiết bị phụ tùng cơ điện
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	Ông Bình là Tổng giám đốc CTCP Năng lượng tái tạo Bình Long

Giao dịch với các bên liên quan này trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần Xây dựng MCG		
- Cho thuê mặt bằng, cung cấp điện nước	-	4.277.607
- Doanh thu thi công ,xây lắp	-	9.599.145.495
- Thanh toán khối lượng thi công công trình	4.024.527.419	-
- Phải trả khối lượng thi công Nậm Hóa 1, Bản Mòng	1.093.410.715	-
- Cho vay	-	8.404.386.000
- Phải trả khác	1.571.436.127	-
- Thanh toán phải trả khác	8.170.231.284	-
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm		
- Cho thuê nhà xưởng	-	920.307.971
- Cho vay	1.700.000.000	5.621.140.778
- Phải thu khác	302.817.372	-
- Thu tiền cho vay, tiền thuê nhà xưởng	5.100.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện Anpha		
- Doanh thu cung cấp điện, nước	1.614.242	7.234.917
- Chi hệ tiền lương, bảo hiểm	25.897.633	181.183.319
- Thu tiền khối lượng thi công Nậm Hóa 1	2.300.000.000	-
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
- Thanh toán khối lượng thi công công trình	488.310.000	-
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam		
- Cho thuê mặt bằng, cung cấp điện nước	3.823.453.856	5.578.013.273
- Thanh toán tiền thuê mặt bằng, điện nước	4.188.265.553	-
- Thanh toán tiền đặt cọc	3.800.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long		
- Doanh thu thi công công trình Bình Long	-	22.255.919.993
- Phải thu về khối lượng thi công Công trình Bình Long	5.993.616.373	-
- Thu tiền thi công công trình Bình Long	14.649.570.302	-
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco		
- Thanh toán tiền mua vật tư	2.300.000.000	-
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê		
- Phải thu tiền bảo hiểm	14.178.258	-
- Thu tiền nợ bảo hiểm	14.178.258	-
- Thanh toán tiền vật tư, thanh toán khác	13.158.919	-
- Doanh thu thi công công trình	388.183.740	-

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	20.750.739.002	23.048.983.448
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	18.413.365.541	18.413.365.541
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	119.304.264	107.531.002
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	925.682.068	925.682.068
Cộng	40.209.090.875	42.495.562.059
Ứng trước cho người bán		
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	133.164.000	133.164.000
Công ty cổ phần thủy lợi Meco Sài Gòn	303.613.240	-
Cộng	1.436.777.240	1.133.164.000
Phải thu khác		
Công ty cổ phần Đầu tư thủy điện An Pha	7.890.273	402.194.522
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	6.401.711.857	48.774.956
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	-	1.500.000.000
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	398.176.867	-
Cộng	6.807.778.997	1.950.969.478
Phải thu về cho vay		
Công ty cổ phần Cơ khí Văn Lâm	3.915.803.868	7.315.803.868
Cộng	3.915.803.868	7.315.803.868
Người mua trả tiền trước		
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê	44.746.185	1.972.261.766
Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Bình Long	3.690.411.448	8.232.173.251
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	55.000.000	55.000.000
Cộng	3.790.157.633	10.259.435.017
Phát trả người bán		
Công ty cổ phần Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	441.268.550	625.965.310
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	4.428.682.566	6.565.210.086
Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng cơ điện	5.220.036.449	5.220.036.449
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	1.470.513.396	3.770.513.396
Cộng	11.560.500.961	16.181.725.241

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ BẤT ĐỘNG SẢN MCG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****B09-DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

<i>Phải trả khác</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần Thủy điện Khánh Khê		13.158.919
Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Thiên Nam	148.200.000.000	152.000.000.000
Công ty cổ phần Xây dựng MCG	-	197.083.300
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển điện Meco	-	41.000.000
Cộng	148.200.000.000	152.251.242.219

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng nợ phải trả quá hạn của Công ty là 64.892.918.398 đồng, khoản lỗ lũy kế của công ty là: 372.296.684.179 đồng. Đồng thời theo quyết định số 39686/QĐ-CTHN-QLN ngày 12/08/2022 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc áp dụng cưỡng chế thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng để thi hành cưỡng chế thuế 1 năm kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2022. Tổng số tiền thuế Công ty còn nợ theo thông báo số 227362/TB-CT ngày 19/07/2022 với số tiền: 5.044.435.000 đồng. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Ngọc Bình đồng thời là cổ đông lớn của Công ty cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính riêng cho Công ty bằng cách cho vay tài chính để Công ty có thể tiếp tục hoạt động. Do đó, Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính riêng giữa niên độ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Lập ngày 23 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Hoàng Mạnh Tuấn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Chinh Lương

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Bình